TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/DS-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Hà Như Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Trọng

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2021/DSST ngày 11 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH một thành viên S

Địa chỉ trụ sở chính: Đường H, phường L, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Wee Sung San M, sinh năm 1973, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1994, địa chỉ liên hệ: Đường V, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc Mỹ P, sinh năm 1979.

Địa chỉ thường trú: Đường Đ, Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: Đường Đ, Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Ngân hàng TNHH Một thành viên S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Căn cứ theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 09 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng TNHH Một thành viên S) (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã cho bà Trần Ngọc Mỹ P (viết tắt là bà P) vay số tiền là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay là 19,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, bà P phải trả góp hàng tháng cho Ngân hàng số tiền là 6.234.861 đồng trong vòng 48 tháng, bắt đầu từ ngày 18 tháng 01 năm 2017 nhưng do Ngân hàng đã thanh toán thay bà P số tiền bảo hiểm là 4.019.400 đồng (bốn triệu không trăm mười chín ngàn bốn trăm đồng) cho Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C, số tiền này được tính vào số tiền vay của bà P, tổng cộng là 224.019.400 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm mười chín ngàn bốn trăm đồng) và được Ngân hàng giải ngân vào ngày 15 tháng 12 năm 2016 nên các bên thống nhất là kỳ hạn thanh toán lần đầu sẽ là ngày 05 tháng 01 năm 2017 số tiền thanh toán mỗi tháng là 6.757.456 đồng. Ngân hàng đã gửi cho bà P bản Trích lục hợp đồng vay ngày 22 tháng 12 năm 2016 thông báo chi tiết khoản vay của bà P, trong đó thể hiện số tiền vay là 224.019.400 đồng (gồm khoản vay là 220.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 4.019.400 đồng), kỳ hạn vay 48 tháng, lãi suất 19,5%/năm, ngày giải ngân 15 tháng 12 năm 2016, số tiền thanh toán hàng tháng là 6.757.456 đồng, thanh toán vào ngày 05 hàng tháng, ngày thanh toán đầu tiên ngày 05 tháng 01 năm 2017, ngày thanh toán cuối cùng là ngày 05 tháng 12 năm 2020.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ thanh toán, mặc dù khoản vay trên đã đến hạn toàn bộ vào ngày 05 tháng 12 năm 2020 cũng như Ngân hàng đã gửi thông báo, liên hệ làm việc với bà P nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu là 241.032.989 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm ba mươi hai ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), bao gồm: nợ gốc 219.227.420 đồng, nợ lãi trong hạn 20.629.637 đồng, lãi phạt chậm trả nợ gốc 1.175.932 đồng. Thực hiện trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn là bà Trần Ngọc Mỹ P đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Lê Hồng Q vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Trần Ngọc Mỹ P vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã

được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TNHH một thành viên S, buộc bị đơn là bà Trần Ngọc Mỹ P thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 241.032.989 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm ba mươi hai ngàn chín trăm tám mươi chín đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng TNHH Một thành viên S khởi kiện yêu cầu bà Trần Ngọc Mỹ P trả tiền nợ đã vay theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 09 tháng 12 năm 2016, Trích lục hợp đồng vay ngày 22 tháng 12 năm 2016. Ngân hàng đã thực hiện khởi kiện theo địa chỉ của bà P được ghi trong các văn bản nêu trên. Bà P có địa chỉ cư trú ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Lê Hồng Q là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Trần Ngọc Mỹ P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Vì thế, căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn là Ngân hàng TNHH một thành viên S yêu cầu bị đơn bà Trần Ngọc Mỹ P trả số tiền nợ đã vay còn thiếu là 241.032.989 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm ba mươi hai ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), bao gồm: nợ gốc 219.227.420 đồng, nợ lãi trong hạn 20.629.637 đồng, lãi phạt chậm trả gốc 1.175.932 đồng.

[3.1] Căn cứ Đơn xác lập quan hệ khách hàng ngày 09 tháng 12 năm 2016, hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ ngày 09 tháng 12 năm 2016, sao kê tài khoản của bà Trần Ngọc Mỹ P, trích lục hợp đồng vay ngày 22 tháng 12 năm 2016 thể hiện bà Trần Ngọc Mỹ P có vay của Ngân hàng TNHH một thành viên S số tiền 224.019.400 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm mười chín ngàn bốn trăm đồng), thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2020, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay trong

hạn là 19,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng giải ngân số tiền 224.019.400 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm mười chín ngàn bốn trăm đồng) cho bà Phương vào 15 tháng 12 năm 2016.

[3.2] Bà P đã thanh toán cho Ngân hàng 3 kỳ với tổng số tiền là 7.258.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 4.791.980 đồng và tiền nợ lãi là 2.466.020 đồng; ngừng trả kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2017 cho đến nay.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà P về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như các tài liệu chứng cứ kèm theo được Ngân hàng cung cấp cho Tòa án nhưng bà P không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của Ngân hàng cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[3.4] Bà P giao kết hợp đồng nhưng không trả nợ theo đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, Ngân hàng yêu cầu bà P phải thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu của khoản vay đã giải ngân ngày 15 tháng 12 năm 2017 là 241.032.989 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm ba mươi hai ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), bao gồm: nợ gốc 219.227.420 đồng, nợ lãi trong hạn 20.629.637 đồng, lãi phạt chậm trả gốc 1.175.932 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền còn nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà P thanh toán số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH một thành viên S:

1.1 Buộc bà Trần Ngọc Mỹ P phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH một thành viên S số tiền nợ của Đơn xác lập quan hệ khách hàng ngày 09 tháng 12 năm 2016, trích lục hợp đồng vay ngày 22 tháng 12 năm 2016 là 241.032.989 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu không trăm ba mươi hai ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), bao gồm: nợ gốc 219.227.420 đồng, nợ lãi trong hạn 20.629.637 đồng, lãi phạt chậm trả gốc 1.175.932 đồng.

Thực hiện trả ngay tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.051.649 đồng (mười hai triệu không trăm năm mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TNHH một thành viên S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.025.824 đồng (sáu triệu không trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036517 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TNHH một thành viên S và bà Trần Ngọc Mỹ P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Trần Hà Như Oanh